

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15-5-2020
V/v Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Khắc Hòa;

+ Ông Trần Văn Tảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 650/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Dương Văn Đ**, sinh năm 1968; cư trú tại: Tổ 15, ấp T, xã P, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1969; cư trú tại: Tổ 15, ấp T, xã P, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Dương Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1986, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, chị T không quan tâm đến gia đình; chị tham gia đánh bài và

gây ra nợ nần. Sau đó, chị tự ý bỏ nhà đi nước ngoài lao động, không bàn bạc với anh. Năm 2018, chị trở về Việt Nam. Hai vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Anh chuyển sang nhà mẹ ruột sinh sống từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị có 05 con chung là cháu Dương Hoài A, sinh năm 1987, Dương Thùy B, sinh năm 1989; Dương Hoài N, sinh năm 1991; Dương Hoài C, sinh năm 1996 và Dương Hoàng P, sinh ngày 10/8/2004. Các cháu Dương Hoài A, Dương Thùy B, Dương Hoài N, Dương Hoài C đã thành niên, anh không yêu cầu giải quyết. Cháu Dương Hoàng P đang sống chung với chị T. Anh đồng ý chị T tiếp tục nuôi cháu Dương Hoàng P, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/12/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị thống nhất với anh Dương Văn Đ về quá trình chung sống vợ chồng từ năm 1986, không đăng ký kết hôn. Nhưng chị không đồng ý ly hôn. Chị thừa nhận năm 2017 – 2018, chị có gây ra nợ nần và tìm cách ra nước ngoài để kiếm tiền trả nợ. Trong thời gian chị đi nước ngoài, anh Đ có người phụ nữ khác nên mới ly hôn với chị. Chị thống nhất với trình bày của anh Đ về thời gian ly thân từ năm 2017 đến nay là 03 năm. Nếu anh Đ ly hôn trong thời gian chị gây ra nợ nần thì chị đồng ý ly hôn. Còn nay, chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị thống nhất trình bày của anh Đ về số con chung và việc chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Hoàng P, chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu P.

Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh Dương Văn Đ thừa nhận trong thời gian chị Nguyễn Thị T đi nước ngoài, anh có quen biết với người phụ nữ. Khi chị T về, vẫn tham gia cờ bạc, không biết sửa chữa, anh quyết định ly hôn dứt khoát nên chuyển về nhà mẹ ruột sinh sống từ năm 2018 cho đến nay. Anh vẫn giữ yêu cầu ly hôn với chị T.

Chị Nguyễn Thị T không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 89, 92, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV) đề nghị:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn Đ, anh Dương Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung:

Anh Dương Văn Đ và chị Nguyễn Thị T có 05 con chung là cháu Dương Hoài A, sinh năm 1987; Dương Thùy B, sinh năm 1989; Dương Hoài N, sinh năm 1991; Dương Hoài C, sinh năm 1996 và Dương Hoàng M, sinh ngày 10/8/2004. Các cháu Dương Hoài A, Dương Thùy B, Dương Hoài N, Dương Hoài C đã thành niên, các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Giao chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Hoàng P, sinh ngày 10/8/2004. Ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu P.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Dương Văn Đ và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Dương Văn Đ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về pháp luật giải quyết

UBND xã Tân Phong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xác nhận: Anh Dương Văn Đ và chị Nguyễn Thị T chung sống vợ chồng từ năm 1986, không có đăng ký kết hôn.

Tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định điều khoản chuyên tiếp “Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết”.

Theo điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định “Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”.

[2] Về hôn nhân: Anh Dương Văn Đ yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị T với lý do: Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc từ năm 2016, do chị T không quan tâm, chăm sóc gia đình, tham gia đánh bạc, gây ra nợ nần và đã bỏ nhà đi hơn một năm

đến năm 2018 trở về. Chị Nguyễn Thị T cho rằng: Khi chị đi nước ngoài, anh Đ không chung thủy, có quan hệ với người phụ nữ khác và đã chuyển về nhà mẹ ruột sống ly thân với chị 03 năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng anh Đ và chị T đã không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Chị T không chăm sóc tốt cho gia đình, chị tham gia đánh bạc, gây ra nợ nần, tự ý bỏ nhà đi lao động ở nước ngoài, không bàn bạc với anh Đ; là lỗi chính dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc. Anh Đ cũng có lỗi, không chung thủy trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại. Anh Đ và chị T đều thừa nhận vợ chồng không còn sống chung, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng 03 năm nay. Do đó căn cứ vào Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Dương Văn Đ, anh Dương Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

[3] Về con chung: Anh Dương Văn Đ và chị Nguyễn Thị T có 05 con chung là Dương Hoài A, sinh năm 1987, Dương Thùy B, sinh năm 1989; Dương Hoài N, sinh năm 1991; Dương Hoài C, sinh năm 1996 và Dương Hoàng P, sinh ngày 10/8/2004. Các cháu Dương Hoài A, Dương Thùy B, Dương Hoài N, Dương Hoài C đã thành niên, anh Dương Văn Đ và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận. Cháu Dương Hoàng P có nguyện vọng được sống chung với chị T, chị T và anh Đ đồng ý. Xét thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn phù hợp nên ghi nhận. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu P.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Dương Văn Đ và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Dương Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV).

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 89, 92 và 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV):

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn Đ, anh Dương Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung:

Anh Dương Văn Đ và chị Nguyễn Thị T có 05 con chung là Dương Hoài A, sinh năm 1987, Dương Thùy B, sinh năm 1989; Dương Hoài N, sinh năm 1991; Dương Hoài C, sinh năm 1996 và Dương Hoàng P, sinh ngày 10/8/2004.

Các cháu Dương Hoài A, Dương Thùy B, Dương Hoài N, Dương Hoài C đã thành niên, anh Dương Văn Đ và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết.

Giao chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Hoàng P, sinh ngày 10/8/2004. Ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu P.

Sau khi ly hôn, anh Dương Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Nguyễn Thị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Dương Văn Đ không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Dương Văn Đ và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Dương Văn Đ chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do anh Đ đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006965 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Anh Dương Văn Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTrNV-THA, TANDTTN;
- VKS huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (O).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh – Đã ký